

Số: 263/QĐ-ĐHHV

Phú Thọ, ngày 23 tháng 2 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đạt Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ bậc 4
đợt thi ngày 18/1/2017**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Căn cứ Điều lệ trường Đại học ban hành theo quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-ĐHHV ngày 4 tháng 1 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hùng Vương;

Căn cứ Quyết định số 1381/QĐ-ĐHHV ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về việc quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học đối với sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-ĐHHV ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về việc thành lập Hội đồng khảo sát Chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ, Tin học cho sinh viên cuối khóa của trường Đại học Hùng Vương năm học 2016 – 2017;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 2 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về việc quy định đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên trường Đại học Hùng Vương;

Căn cứ kết quả thi Kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ bậc 4 đợt thi ngày 18/01/2017 tổ chức tại trường Đại học Hùng Vương;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

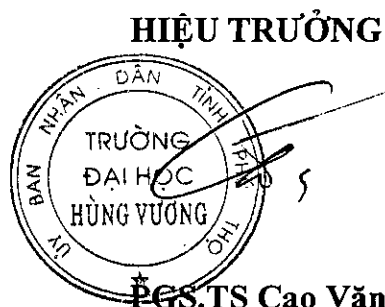
Điều 1. Công nhận đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (tiếng Anh và tiếng Trung Quốc bậc 4) cho 99 sinh viên của Nhà trường đợt thi ngày 18/01/2017 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các PHT;
- Các khoa, phòng;
- Trang website của trường;
- Lưu: VT, TT ĐBCL.

Được



UBND TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

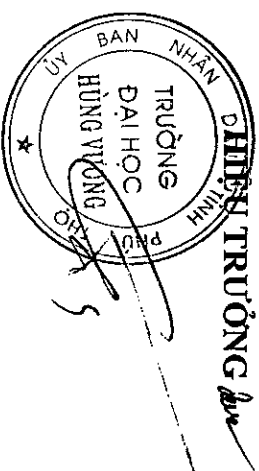
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ BẬC 4 NĂM 2017
ngày thi 18 tháng 01 năm 2017
(Kèm theo Quyết định số 263/QĐ-ĐHHV ngày 23 tháng 2 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Hùng Vương)

Môn: Tiếng Trung

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Điểm				Tổng điểm	Đạt bậc 4	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói			
1	000001	13SD180001	Kiều Thị Hồng Anh	9/5/1995	1311D18A	100	100	91	55	346	Đạt	
2	000002	13SD180004	Nguyễn Thị Thanh Bình	27/10/1995	1311D18A	96	100	97	45	338	Đạt	
3	000003	13SD180005	Châu Thị Chuyên	3/10/1994	1311D18A	89	95	72	35	291	Đạt	
4	000005	13SD180006	Đỗ Thị Việt Hà	24/7/1979	1311D18A	96	68	58	50	272	Đạt	
5	000006	13SD180007	Nguyễn Thị Hằng	26/8/1995	1311D18A	89	100	93	83	365	Đạt	
6	000007	13SD180008	Nguyễn Thị Thúy Hiền	3/9/1995	1311D18A	96	95	87	50	328	Đạt	
7	000010	13SD180012	Nguyễn Thị Thu Hồng	15/10/1990	1311D18A	94	88	92	65	339	Đạt	
8	000011	13SD180013	Bùi Thị Huệ	8/2/1994	1311D18A	89	90	86	60	325	Đạt	
9	000012	13SD180014	Nguyễn Thị Hương	16/7/1995	1311D18A	95	100	83	68	346	Đạt	
10	000013	13SD180015	Lê Thị Bích Liên	7/2/1995	1311D18A	88	100	98	85	371	Đạt	
11	000015	13SD180018	Trần Ngọc Mai	1/10/1995	1311D18A	100	98	100	65	363	Đạt	
12	000016	13SD180019	Nguyễn Thị Hồng Nga	13/8/1995	1311D18A	86	98	64	65	313	Đạt	
13	000017	13SD180020	Chu Thị Yên Ngân	17/12/1995	1311D18A	90	90	47	40	267	Đạt	
14	000018	13SD180021	Hà Thị Ngân	24/5/1995	1311D18A	94	93	68	65	320	Đạt	
15	000019	13SD180022	Triệu Vinh Ngọc	24/1/1995	1311D18A	94	98	91	60	343	Đạt	
16	000020	13SD180023	Nguyễn Thị Nhan	20/1/1995	1311D18A	73	93	87	70	323	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Điểm				Tổng điểm	Đạt bậc 4	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói			
17	000022	135D180025	Trần Ngọc Quỳnh	22/11/1994	1311D18A	94	88	88	83	353	Đạt	
18	000023	135D180026	Nguyễn Thị Hồng Thơm	31/3/1995	1311D18A	74	88	54	35	251	Đạt	
19	000024	135D180027	Hoàng Thị Thu	8/8/1995	1311D18A	89	98	86	65	338	Đạt	
20	000025	135D180028	Nguyễn Thị Thủy	12/4/1995	1311D18A	91	93	58	70	312	Đạt	
21	000026	135D180029	Bùi Thị Thu	3/12/1995	1311D18A	95	93	70	65	323	Đạt	
22	000027	135D180030	Nguyễn Thị Vui	20/10/1995	1311D18A	96	98	98	88	380	Đạt	
23	000028	135D180031	Phùng Thị Lê Xuân	15/11/1995	1311D18A	94	98	99	60	351	Đạt	
24	000029	135D180032	Nguyễn Thị Yến	20/11/1995	1311D18A	85	93	26	45	249	Đạt	
25	000030	135D180033	Trần Thị Yến	9/3/1995	1311D18A	76	90	53	35	254	Đạt	
26	000031	135D180034	Vũ Thị Yến	17/7/1995	1311D18A	98	100	94	65	357	Đạt	

Danh sách này có: 26 Sinh viên;



PGS. TS Cao Văn

UBND TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ BẬC 4 NĂM 2017

ngày thi 18 tháng 01 năm 2017

(Kèm theo Quyết định số 263/QĐ-ĐHHV ngày 23 tháng 2 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Hùng Vương)

Môn: Tiếng Anh

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Điểm				ĐTB	Đạt bậc 4	Chi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói			
1	000004	1257010039	Đào Thị Như	19/9/1994	1210D28A	4.0	8.5	5.0	6.0	6.0	Đạt	
2	000007	1257010022	Hà Thị Tùng Khánh	23/3/1994	1210D28A	5.5	9.5	5.0	6.0	6.5	Đạt	
3	000008	1257010018	Đinh Thị Hương	17/5/1994	1210D28A	4.0	8.5	5.0	8.0	6.5	Đạt	
4	000009	1257010023	Hà Thị Hương Lan	10/1/1994	1210D28A	4.5	9.0	6.0	4.5	6.0	Đạt	
5	000010	135D280001	Đặng Thị Vân Anh	3/10/1995	1311D28A	5.5	9.0	5.5	5.0	6.5	Đạt	
6	000011	135D280002	Lò Tuấn Anh	6/9/1994	1311D28A	5.0	9.0	4.5	7.5	6.5	Đạt	
7	000012	135D280003	Nguyễn Thị Duyên	24/5/1995	1311D28A	4.0	9.0	6.0	7.0	6.5	Đạt	
8	000013	135D280004	Nguyễn Thị Đức	4/8/1995	1311D28A	5.0	9.5	6.5	7.0	7.0	Đạt	
9	000014	135D280005	Nguyễn Thị Hải Giang	14/4/1995	1311D28A	6.0	7.0	7.5	8.0	7.0	Đạt	
10	000015	135D280006	Đinh Thị Thu Hà	21/7/1995	1311D28A	4.5	9.5	6.0	8.0	7.0	Đạt	
11	000016	135D280007	Đinh Thu Hà	12/5/1995	1311D28A	3.5	9.5	5.5	7.0	6.5	Đạt	
12	000017	135D280008	Vũ Thị Thu Hà	17/6/1995	1311D28A	5.0	9.5	6.0	6.5	7.0	Đạt	
13	000018	135D280009	Lê Thị Hằng	28/2/1995	1311D28A	5.0	8.5	5.5	7.5	6.5	Đạt	
14	000019	135D280010	Nguyễn Thị Khánh Hằng	29/9/1995	1311D28A	4.5	9.0	7.0	6.5	7.0	Đạt	
15	000021	135D280012	Trần Thị Huệ	27/8/1995	1311D28A	5.0	8.5	7.0	5.0	6.5	Đạt	
16	000022	135D280013	Vũ Kim Huệ	24/3/1995	1311D28A	4.5	8.5	5.5	7.0	6.5	Đạt	
17	000024	135D280015	Tạ Thị Minh Huyền	5/3/1995	1311D28A	3.5	9.5	5.5	7.0	6.5	Đạt	
18	000025	135D280016	Phí Thị Lệ Hương	26/6/1995	1311D28A	5.0	8.5	6.5	8.0	7.0	Đạt	
19	000027	135D280018	Nguyễn Thị Mỹ Linh	16/5/1995	1311D28A	6.0	9.5	6.5	8.0	7.5	Đạt	
20	000029	135D280020	Nguyễn Đức Long	20/12/1995	1311D28A	4.5	10	5.5	6.5	6.5	Đạt	
21	000030	135D280021	Nguyễn Thị Bích Lưu	6/3/1995	1311D28A	5.0	10	7.0	5.0	7.0	Đạt	
22	000031	135D280022	Nguyễn Thị Thanh Mai	23/6/1995	1311D28A	6.0	8.5	7.0	7.0	7.0	Đạt	
23	000032	135D280023	Phùng Thị Thảo Mai	10/10/1994	1311D28A	4.5	9.5	7.5	4.0	6.5	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Điểm				ĐTB	Đạt bậc 4	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói			
24	000033	135D280024	Trần Thị Tuyết Mai	1/12/1995	1311D28A	3.5	9.0	8.0	4.5	6.5	Đạt	
25	000034	135D280025	Lăng Hà My	11/4/1995	1311D28A	3.0	9.0	8.0	6.0	6.5	Đạt	
26	000035	135D280026	Nguyễn Thị Kiều My	6/4/1995	1311D28A	3.5	9.0	7.0	3.5	6.0	Đạt	
27	000036	135D280027	Hoàng Thị Ngân	22/4/1995	1311D28A	5.0	9.0	7.5	6.5	7.0	Đạt	
28	000037	135D280028	Nguyễn Thị Bích Ngân	4/2/1995	1311D28A	2.5	10	6.0	5.5	6.0	Đạt	
29	000038	135D280029	Triệu Thị Bích Ngọc	21/1/1995	1311D28A	3.0	10	5.0	6.0	6.0	Đạt	
30	000039	135D280030	Ngô Thị Nhung	6/11/1995	1311D28A	3.5	8.5	7.0	6.5	6.5	Đạt	
31	000040	135D280031	Lê Thị Hải Như	15/10/1995	1311D28A	3.5	9.0	7.0	5.5	6.5	Đạt	
32	000041	135D280032	Nguyễn Thị Phúc	2/8/1995	1311D28A	3.0	10	7.0	4.5	6.0	Đạt	
33	000042	135D280033	Nguyễn Thị Phương	3/4/1995	1311D28A	4.5	10	5.5	6.0	6.5	Đạt	
34	000043	135D280034	Nguyễn Tiến Phương	7/11/1995	1311D28A	5.5	8.0	8.0	7.0	7.0	Đạt	
35	000044	135D280035	Trần Thị Quỳnh	16/4/1995	1311D28A	4.5	9.0	6.5	5.5	6.5	Đạt	
36	000045	135D280036	Hà Thị Quỳnh	5/1/1995	1311D28A	3.0	9.5	5.5	6.0	6.0	Đạt	
37	000046	135D280037	Hoàng Thị Như Quỳnh	28/5/1995	1311D28A	7.0	6.5	5.5	7.5	6.5	Đạt	
38	000047	135D280038	Nguyễn Thị Quỳnh	11/9/1995	1311D28A	5.0	9.0	7.0	7.0	7.0	Đạt	
39	000048	135D280039	Hà Hoàng Thái	10/1/1995	1311D28A	5.0	8.5	5.5	6.0	6.5	Đạt	
40	000049	135D280040	Tạ Phương Thảo	22/9/1994	1311D28A	5.0	9.5	6.5	6.5	7.0	Đạt	
41	000050	135D280041	Dương Hoài Thu	2/10/1995	1311D28A	3.5	9.5	6.0	5.5	6.0	Đạt	
42	000051	135D280042	Nguyễn Thị Thúy	10/11/1995	1311D28A	5.0	8.0	7.5	7.5	7.0	Đạt	
43	000052	135D280043	Trịnh Thị Toàn	14/8/1995	1311D28A	5.0	9.0	7.0	7.0	7.0	Đạt	
44	000053	135D280044	Phạm Thùy Trang	5/1/1995	1311D28A	4.5	10	5.5	5.5	6.5	Đạt	
45	000054	135D280045	Nguyễn Thùy Vân	4/6/1995	1311D28A	4.0	9.5	5.5	6.5	6.5	Đạt	
46	000055	135D280046	Hoàng Hải Yến	3/6/1995	1311D28A	3.5	10	4.0	5.5	6.0	Đạt	
47	000056	10D0428002	Trần Thu Hà	21/3/1994	1210D28N	5.5	5.0	5.5	7.0	6.0	Đạt	
48	000057	10D0428003	Phạm Thị Bích Huyền	20/10/1994	1210D28N	5.5	6.5	6.5	6.5	6.5	Đạt	
49	000058	10D0428004	Nguyễn Thị Bích Thảo	13/11/1994	1210D28N	4.5	7.0	6.0	6.0	6.0	Đạt	
50	000060	1257030005	Ngô Thị Kim Dung	7/7/1994	1210D04A	5.0	6.5	6.0	6.0	6.0	Đạt	
51	000071	135D040017	Hoàng Hà	29/9/1995	1311D04A	7.5	7.0	8.0	8.0	7.5	Đạt	
52	000073	135D040023	Trương Thu Hằng	20/9/1995	1311D04A	5.5	7.0	7.5	4.5	6.0	Đạt	
53	000076	135D040028	Tô Thị Hoài	19/5/1995	1311D04A	3.5	7.0	7.5	6.0	6.0	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Điểm				ĐTB	Đạt bậc 4	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói			
54	000081	135D040050	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	4/1/1995	1311D04A	4.5	6.5	8.0	6.5	6.5	Đạt	
55	000082	135D040054	Đào Hồng Ngọc	21/10/1995	1311D04A	3.5	6.5	7.0	6.0	6.0	Đạt	
56	000083	135D040056	Khổng Thị Nguyên	15/6/1994	1311D04A	5.0	7.0	5.5	7.5	6.5	Đạt	
57	000085	135D040070	Mai Thị Thu Thảo	13/10/1995	1311D04A	6.5	8.5	8.5	8.5	8.0	Đạt	
58	000086	135D040073	Phạm Thị Thảo	19/5/1995	1311D04A	4.0	7.0	7.0	5.5	6.0	Đạt	
59	000090	135D040087	Nguyễn Anh Tú	17/5/1995	1311D04A	4.0	6.0	6.5	7.0	6.0	Đạt	
60	000091	135D040088	Lương Minh Tuấn	31/8/1995	1311D04A	5.0	6.5	7.5	6.5	6.5	Đạt	
61	000093	135D040093	Nguyễn Thị Thanh Xuân	25/9/1995	1311D04A	5.5	5.0	8.0	7.0	6.5	Đạt	
62	000096	135D040001	Hà Thị Quỳnh Anh	27/11/1995	1311D04B	3.5	7.0	6.5	7.0	6.0	Đạt	
63	000109	135D040038	Nguyễn Thị Mai Hương	11/2/1995	1311D04B	3.5	6.5	8.0	6.5	6.0	Đạt	
64	0000110	135D040041	Trình Thu Hương	6/7/1995	1311D04B	5.0	6.0	8.0	5.5	6.0	Đạt	
65	0000111	135D040043	Phạm Phương Lan	18/9/1995	1311D04B	3.5	4.5	8.5	8.0	6.0	Đạt	
66	0000112	135D040044	Dương Thùy Linh	4/8/1995	1311D04B	5.5	7.0	7.5	6.0	6.5	Đạt	
67	0000113	135D040046	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/12/1995	1311D04B	6.0	7.0	6.0	5.0	6.0	Đạt	
68	0000117	135D040059	Đỗ Hải Yến Nhi	14/4/1995	1311D04B	4.5	5.5	7.5	7.0	6.0	Đạt	
69	0000118	135D040096	Đào Thị Hồng Nhung	23/7/1995	1311D04B	4.0	7.0	7.0	5.0	6.0	Đạt	
70	0000120	135D040061	Hồ Thủy Như	2/7/1995	1311D04B	6.0	8.0	8.5	8.0	7.5	Đạt	
71	0000127	135D040072	Nguyễn Thị Phương Thảo	7/5/1995	1311D04B	5.0	6.5	6.0	5.5	6.0	Đạt	
72	0000132	135D040084	Chữ Huyền Trang	30/7/1995	1311D04B	5.0	7.0	6.0	5.5	6.0	Đạt	
73	0000133	135D040086	Hà Anh Tú	2/9/1995	1311D04B	5.0	8.0	7.0	6.0	6.5	Đạt	

Danh sách này có: 73 Sinh viên;

HIỆU TRƯỞNG

